TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HS-ST
Ngày 28 - 8- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vy Văn Lâm và ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1965 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H (đã chết) và bà Vũ Thị T, sinh năm 1932; vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 27/11/1993 bị Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự số tiền 200.000 đồng đã thi hành xong ngày 27/11/1993.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2024 đến ngày 12/4/2024 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lĩnh. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1963 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; vợ: Đặng Thị H, sinh năm 1963; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ

thẩm số 35/2009/HSST ngày 23/6/2009 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trẻ em, đã chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2013 và án phí 50.000 đồng. Ngày 18/6/2020 bị Công an huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2024 đến ngày 12/4/2024 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lĩnh. Có mặt.

3. Trần Trọng T1, tên gọi khác: Trần Văn T1, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1974 tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Bộ đội hưu trí; T độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình T2 (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1940; vợ: Lê Thị Thanh H, sinh năm 1975; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2024 đến ngày 12/4/2024 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lĩnh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua người đàn ông tên là Khúc Mạnh D, Nguyễn Văn T biết có người muốn tìm kíp nổ để khai thác mỏ đá. Ngày 22/02/2024, Nguyễn Văn T nhận được cuộc gọi của một nam thanh niên có số điện thoại 0832.511.933 liên lạc cho biết đang cần mua kíp nổ để khai thác đá và bảo T tìm cho. Đến cuối tháng 02/2024, T và người thanh niên gặp nhau tại quán nước ven đường ở thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, khi gặp người thanh niên nói khi nào T có kíp nổ thì thông báo và sẽ mua với giá 30.000 đồng/kíp. Ngày 02/3/2024, Nguyễn Văn T đến nhà Nguyễn Văn L (L là em rể của T) chơi, qua nói chuyện T hỏi L xem biết chỗ nào bán kíp nổ không, đang có người cần mua để làm đường, L nói để tìm hiểu nếu có sẽ thông báo lại cho T biết.

Khoảng 09 giờ sáng ngày 04/3/2024, Nguyễn Văn L đi sang nhà vợ chồng con trai (tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang) để chăn gà chọi, tại đây gặp Trần Trọng T1 và Nguyễn Thị T4 (T4 là em gái ruột của L; T1 và T4 có quan hệ với nhau như vợ chồng). L nói với T1 cần lấy kíp nổ cho những người làm đường, bán với giá 20.000 đồng đến 25.000 đồng/kíp, T1 không nói gì, chỉ nói cho L biết

nhặt được một ít kíp cũ không biết còn dùng được không, sẽ mang đến cho L xem. Khoảng 10 giờ ngày 05/3/2024, T1 đi xe ô tô nhãn hiệu Huyndai i10, biển kiểm soát 98A-166.38 mang 379 kíp nổ đến nhà vợ chồng con trai của L, đưa số kíp nổ cho L trong bếp; nhận túi kíp nổ, L kiểm tra rồi đem đi giấu tại chuồng lợn và cho T1 biết sau khi xong việc sẽ trả tiền sau. Sau đó, L gặp T tại đám cỗ ở nhà bố vợ tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, thông báo cho T biết đã tìm được hơn 300 kíp nổ, bảo T liên hệ với người lấy, nếu bán được L sẽ trả cho T 1.500.000 đồng, T đồng ý và gọi điện cho người thanh niên, qua trao đổi, người thanh niên đồng ý mua với giá 40.000 đồng/kíp và hẹn 17 giờ chiều ngày 05/3/2024 gặp nhau tại khu vực ngã tư K, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao dịch, điện thoại xong T báo lại cho L biết.

Khoảng 15 giờ ngày 05/3/2024, Nguyễn Văn T gặp người thanh niên, định đưa người thanh niên vào nhà L để xem, mua kíp nổ nhưng người thanh niên không đồng ý, yêu cầu mang kíp nổ ra để kiểm tra. T gọi điện thoại cho L, bảo L mang kíp nổ ra để kiểm tra; L lấy kíp nổ cho vào cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 98D1-592.63 đi đến điểm hẹn vào khoảng 19 giờ, gặp Nguyễn Văn T và người thanh niên. Sau khi xem, kiểm tra kíp nổ, người thanh niên đồng ý mua với giá 40.000 đồng/kíp và yêu cầu giao dịch nhận kíp nổ và trả tiền tại khu vực cầu B (thuộc địa phận tỉnh Lạng Sơn), L và T đồng ý đi xe mô tô cùng với 379 kíp nổ, đi đến thôn B, xã M, huyện H thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã quyết định trưng cầu giám định đối với 379 ống kim loại, màu trắng bạc thu giữ. Tại kết luận giám định số 1650/KL-KTHS ngày 06/3/2024 của Viện Khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an kết luận: Các mẫu vật gửi giám định đều là kíp nổ đốt vỏ nhôm. Kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ…

Đối với người thanh niên sử dụng số điện thoại 0832.511.933 giao dịch mua kíp nổ, quá T điều tra Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L khai nhận không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này, xác minh về số điện thoại 0832.511.933 người thanh niên sử dụng, Cơ quan viễn thông trả lời người đăng ký sử dụng có tên là Nguyễn Kim T, sinh ngày 15/6/1990, số căn cước công dân 096190001659, ngày cấp 25/4/2021; địa chỉ: Ấp B, Q, Đ, Cà Mau. Kết quả xác minh tại địa chỉ trên có tên Nguyễn Kim T (nữ), nhưng T không được đăng ký sử dụng và không cho ai mượn Căn cước công dân để đăng ký, sử dụng số điện thoại 0832.511.933, cũng không quen biết trao đổi mua bán kíp nổ với Nguyễn Văn T. Do không có thông tin nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Thị T4: Quá trình điều tra xác định, khi Nguyễn Văn L và Trần Trọng T1 trao đổi mua bán, giao nhận với nhau 379 kíp nổ, Nguyễn Thị T4 không được tham gia, không biết hai người này trao đổi, giao nhận kíp nổ. Căn cứ kết quả điều tra, tài liệu thu thập được xác định Nguyễn Thị T4 không liên quan đến vụ án.

Về nguồn gốc kíp nổ: Bị cáo Trần Trọng T1 khai nhận, ngày 01/3/2024

Trần Trọng 1T công tác tại Tiểu đoàn Công binh 17, Sư đoàn 3, Quân khu 1, Bộ Quốc phòng được nghỉ theo chế độ; ngày 03/3/2024, T1 đi xe ô tô nhãn hiệu Huyndai i10, biển kiểm soát 98A-16638 vào thao trường của Trung đoàn 12, Sư đoàn 3 tại xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để bàn giao công việc. Trên đường quay về, khi đi qua khu vực đèo mỏ phiếu tại thôn G, xã Đ, huyện H, T1 dừng xe để đi vệ sinh thì phát hiện có 01 túi bóng màu đen đựng kíp nổ ở cạnh đường, T1 kiểm tra thấy có 379 kíp nổ và cất vào trong xe ô tô với mục đích bàn giao lại cho đơn vị cũ để tiêu huỷ, tuy nhiên, khi biết Nguyễn Văn L đang tìm mua kíp nổ, T1 đã mang số kíp nổ nhặt được giao cho L để bán. Ngoài lời khai của T1 không có căn cứ khác để xác định chính xác nguồn gốc 379 kíp nổ.

Đối với người đàn ông tên là Khúc Mạnh D: Lời khai của Nguyễn Văn T khai nhận người thanh niên sử dụng số điện thoại 0832.511.933 là do Khúc Mạnh D giới thiệu quen biết. Tuy nhiên, Khúc Mạnh D không tham gia mua bán kíp nổ với người thanh niên này và với Nguyễn Văn T. Xác minh, Khúc Mạnh D không có mặt tại địa phương nên không thể xác định mức độ liên quan của D trong vụ án. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý Khúc Mạnh D theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, mang biển kiểm soát 98D1-592.63 mà cơ quan điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T khi bắt giữ quả tang; kiểm tra, xác minh xác định xe mô tô là của ông Nguyễn Văn T3 (em ruột Nguyễn Văn L), ngày 05/3/2024 Lưu mượn xe mô tô trên để đi ăn cỗ tại nhà bố vợ tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ông Nguyễn Văn T3 không biết việc L sử dụng xe mô tô trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan An ninh điều tra đã ra quyết định trả lại xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn Văn T3.

Đối với 379 kíp nổ, Cơ quan An ninh điều tra đã chuyển đến Kho vũ khí – đạn thuộc Phòng Hậu cần-Kỹ thuật, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn quản lý. Các vật chứng khác chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để chờ xử lý theo quy định của pháp luật (có bảng kê kèm theo).

Tại bản Cáo trạng số 90/CT-VKSLS-P2 ngày 05 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Trần Trọng T1 về tội Mua bán trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự.

Quá T điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Trần Trọng T1 phạm tội Mua bán trái phép vật liệu nổ và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50, Điều 58, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm đến 02 năm 06 sáu tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án

treo; bị cáo Trần Trọng T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 03 điện thoại di động, 01 xe ô tô biển kiểm soát 98A-166.38 nhãn hiệu Huyndai và giấy tờ kèm theo.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Trọng T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo Nguyễn Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo đều T bày đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị T4 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá T điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá T điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 04/3/2024 đến ngày 05/3/2024, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Trần Trọng T1 đã có hành vi trao đổi, thoả thuận mua bán kíp nổ, sau đó đã thực hiện giao dịch mua bán trái phép 379 kíp nổ với giá 40.000 đồng/kíp. Khi bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T đang trên đường giao kíp nổ để nhận tiền thì bị bắt quả tang tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Trần Trọng T1 đã phạm tội Mua bán trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến chế độ độc quyền của Nhà nước về trong quản lý, sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ, gây mất an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn công cộng. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý mua bán trái phép để kiếm lợi, do vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe đối với các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Trần Trọng T1 không có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Văn L năm 1993 bị xử phạt vi phạm hành chính, đã thi hành xong. Bị cáo Nguyễn Văn T có 01 lần bị xét xử năm 2009 đã được xoá án tích và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong. Xác định bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp được coi là không có án tích và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Văn L được chính quyền địa phương xác nhận luôn tích cực, gương mẫu tham gia các phong trào, ủng hộ các quỹ tại địa phương, đã được tặng thưởng Kỷ niệm chương của cựu chiến binh Việt Nam; bị cáo Nguyễn Văn T có bố đẻ được tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương kháng chiến, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Đại đoàn kết dân tộc, Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam; bị cáo Trần Trọng T1 quá trình công tác được tặng thưởng Huy chương quân kỳ quyết thắng, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và bố mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến công, Huân chương kháng chiến, bị cáo đã tự ra đầu thú. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[8] Xét về vai trò đồng phạm: Bị cáo Nguyễn Văn L là cầu nối giữa bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Trọng T1. Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng việc mua bán kíp nổ với Nguyễn Văn L để Nguyễn Văn L tìm nguồn cung cấp, Trần Trọng T1 là người nhặt được túi kíp nổ đã đưa cho Nguyễn Văn L để Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T đem kíp nổ đi bán. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn, có vai trò như nhau.

[9] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo để các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo để các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng.

[11] Đối với người thanh niên sử dụng số điện thoại 0832.511.933 giao dịch mua kíp nổ, do không có thông tin nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[12] Đối với Nguyễn Thị T4, không được tham gia, không biết bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Trọng T1 trao đổi, giao nhận kíp nổ, nên xác định Nguyễn Thị T4 không liên quan đến vụ án.

[13] Đối với người đàn ông tên là Khúc Mạnh D, hiện không có mặt tại địa phương nên không thể xác định mức độ liên quan của D trong vụ án. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý Khúc Mạnh D theo quy định của pháp luật.

[14] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[15] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ, 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai i10 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

[16] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, mang biển kiểm soát 98D1-592.63, Cơ quan An ninh điều tra đã ra quyết định trả lại xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn Văn T3.

[17] Đối với 379 kíp nổ sau giám định đang được gửi tại Kho vũ khí – đạn thuộc Phòng Hậu cần-Kỹ thuật, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận ngày 04/5/2024 là vật cấm lưu hành, do đó cần tịch thu giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn xử lý theo quy định của pháp luật.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng sung công quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố Tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn T do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[19] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Trần Trọng T phạm tội Mua bán trái phép vật liệu nổ.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 305 điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/8/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/8/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Trọng T1 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/8/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn xử lý theo quy định của pháp luật 379 kíp nổ số 8T – vỏ nhôm – VN, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 04/5/2024 giữa Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn với Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 03 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong lắp 02 sim mạng Viettel, máy cũ, đã qua sử dụng, số sê ri 1: 353149118652732, số sê ri 2: 353149119152732; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng, có số Imei 1: 866135041832970, Imei 2: 866135041832962, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ, mãu cũ đã qua sử dụng, số Imei 1: 866376040746635, số Imei 2: 866376040746627, bên trong có 01 sim mạng Viettel.

- 01 xe ô tô con biển số 98A-166.38, nhãn hiệu Huyndai, số loại i10, màu sơn bạc, dung tích xi lanh 1086cm3, số máy G4HGDM727452, số khung MALAN51BAEM490330, khối lượng bản thấn 1086kg, số chỗ ngồi 05, năm sản xuất 2013, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng, trong xe không có đồ vật, tài sản gì và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031435 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 30/01/2018 mang tên Trần Văn Trường.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/8/2024 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Trọng T1 phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1,3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các bị cáo; người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết